



GIẤY PHÉP

**THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG
CÔNG CỘNG**

PH. T. 100/V. 0

GIẤY PHÉP

THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG

(Có giá trị đến hết ngày 09 tháng 3 năm 2032)

Cấp lần đầu ngày 09 tháng 3 năm 2017

CỤC TRƯỞNG CỤC VIỄN THÔNG

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số 2311/CV-PITC ngày 23 tháng 11 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung tại Đơn số 1202/CV-PITC/2017 ngày 12 tháng 02 năm 2017; công văn số 1202/2017/CV-PITC ngày 12 tháng 02 năm 2017 về việc điều chỉnh, bổ sung hồ sơ xin phép thiết lập mạng viễn thông của Công ty cổ phần Đầu tư PITC;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Cấp phép và Thị trường,

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PITC.

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PITC.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PITC INVESTMENT JOIN STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: PITC JSC.

Địa chỉ trụ sở chính: 3 Lê Trung Nghĩa, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0101865257 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 8 năm 2010, đăng kí thay đổi lần thứ 9 ngày 06 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) được thiết lập mạng viễn thông công cộng theo các quy định sau:

1. Mục đích: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng nhưng không bao gồm việc cho phép cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ ứng dụng viễn thông.

Để cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ ứng dụng viễn thông trên mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này, Doanh nghiệp phải có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông, giấy phép cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông theo quy định của pháp luật chuyên ngành tương ứng.

2. Loại mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện và kênh tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông.

3. Phạm vi thiết lập mạng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trong phạm vi khu vực. Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông được quy định tại Phụ lục 1 của Giấy phép này.

4. Kết nối: Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông khác, có nghĩa vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối.

5. Kho số: Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu và số thuê bao viễn thông theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

6. Tần số vô tuyến điện: Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng băng tần số vô tuyến điện, kênh tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông công cộng nêu tại Giấy phép này theo quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy định về quản lý tần số vô tuyến điện.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, Doanh nghiệp có nghĩa vụ:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định của Giấy phép, các nội dung cam kết tại Phụ lục 2 của Giấy phép này để thiết lập hạ tầng mạng viễn thông như quy định tại Giấy phép này.

2. Đầu tư, phát triển mạng viễn thông công cộng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

3. Tuân thủ các quy chuẩn quốc gia trong việc thiết lập mạng viễn thông công cộng theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực viễn thông theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện kết nối với hệ thống thu thập số liệu về viễn thông của Cục Viễn thông theo quy định của pháp luật.

10. Công bố nội dung Giấy phép này theo quy định tại Khoản 6 Điều 23 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.

11. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

12. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký./1

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Đức Trung

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC PHÉP THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PITC

(Đính kèm Giấy phép số *141*/GP-CVT ngày *09* tháng *3* năm 2017)

1. Hà Nội
2. Thái Nguyên
3. Bắc Ninh
4. Hải Dương
5. Hải Phòng
6. Quảng Ninh
7. Thanh Hóa
8. Nghệ An
9. Hà Tĩnh
10. Quảng Bình
11. Quảng Trị
12. Thừa Thiên Huế
13. Đà Nẵng
14. Quảng Nam
15. Quảng Ngãi
16. Bình Định
17. Phú Yên
18. Khánh Hòa
19. Kon Tum
20. Gia Lai
21. Đắk Lắk
22. Đắk Nông
23. Ninh Thuận
24. Bình Thuận
25. Lâm Đồng
26. Thành phố Hồ Chí Minh
27. Bình Dương
28. Đồng Nai
29. Tây Ninh
30. Bà Rịa – Vũng Tàu

PHỤ LỤC 2

CAM KẾT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG CỘNG CỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PITC

(Đính kèm Giấy phép số 144/GP-CVT ngày 09 tháng 3 năm 2017)